

Số: 126 /TTr-UBND

Bình Phước, ngày 14 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành nghị quyết Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - Kỳ họp giữa năm 2025 xem xét thông qua Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

I. Sự cần thiết ban hành quyết nghị

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

2. Cơ sở thực tiễn

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thì ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm: “a) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này.”

Vì vậy, việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua quy định về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính xây dựng dự thảo gửi các địa phương, đơn vị góp ý và Sở Tư pháp thẩm định. Sở Tài chính đã hoàn thiện dự thảo nghị quyết tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 04 Điều, nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với: tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

1. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
1	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	tấn	30.000
2	Đá		
2.1	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	7.500
2.2	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi	m ³	6.750

	măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)		
3	Sỏi, cuội, sạn	m ³	9.000
4	Cát		
4.1	Cát vàng	m ³	7.500
4.2	Cát trắng	m ³	10.500
4.3	Các loại cát khác	m ³	6.000
5	Đất		
5.1	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000
5.2	Cao lanh	Tấn	5.800
5.3	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
5.4	Các loại đất khác	m ³	2.000
6	Các loại than	Tấn	8.000
7	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.500

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 1 điều này.

3. Những loại khoáng sản khác ngoài các loại khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng mức thu tối đa theo Biểu khung thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

(UBND tỉnh xin gửi Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- LĐVP;
- Lưu: VT,(02bac).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tuệ Hiền





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2025/NQ-HĐND

★ DƯ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Nghị quyết quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với: tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

1. Mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn/m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
1	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	tấn	30.000
2	Đá		
2.1	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	7.500
2.2	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	6.750
3	Sỏi, cuội, sạn	m ³	9.000
4	Cát		
4.1	Cát vàng	m ³	7.500
4.2	Cát trắng	m ³	10.500
4.3	Các loại cát khác	m ³	6.000
5	Đất		
5.1	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000
5.2	Cao lanh	Tấn	5.800
5.3	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
5.4	Các loại đất khác	m ³	2.000
6	Các loại than	Tấn	8.000
7	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.500

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 1 điều này.

3. Những loại khoáng sản khác ngoài các loại khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng mức thu tối đa theo Biểu khung thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng Năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Bình Phước quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXPVPHC - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH